

Số: /GPMT-SNNMT

Đồng Nai, ngày tháng 7 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Xét Văn bản số 1394/BV-HCQT ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh, địa chỉ tại số 911, đường 21/4, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh” có địa chỉ tại số 911, đường 21/4, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 911, đường 21/4, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận đầu tư:

- Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 582/ĐNAI-GPHĐ ngày 02 tháng 07 năm 2025 do Sở Y tế Đồng Nai cấp.

- Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là UBND thành phố Đồng Nai) về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sau khi hợp nhất Sở Y tế tỉnh Đồng Nai và Sở Y tế tỉnh Bình Phước khi sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước.

- Văn bản số 5735/SYT-KHTC ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế về việc xác nhận bàn giao dự án/công trình “xây dựng Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh”.

1.4. Mã số thuế: 3600359050.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: bệnh viện đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích mặt bằng của cơ sở: 60.694 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 07089161 cấp ngày 20 tháng 6 năm 2026).

- Nhóm dự án: cơ sở có tiêu chí nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo tiêu chí quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Công suất: 800 giường bệnh.
- Quy trình hoạt động khám chữa bệnh: Người bệnh → bộ phận tiếp nhận bệnh → thu phí → khám lâm sàng/cận lâm sàng → (1) hoặc (2).
 - + (1) Bệnh nặng → nhập viện điều trị → hồi phục sức khỏe → xuất viện.
 - + (2) Bệnh nhẹ → cấp phát thuốc (nếu cần) → hẹn tái khám (nếu cần) → xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày ... tháng 7 năm 2036).

Điều 4. Giao Phòng Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để báo cáo);
- UBND phường Bình Lộc;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố;
- Trung tâm Công nghệ thông tin (đăng tải);
- Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh;
- Lưu: VT, MT (T.Ha, NgA).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Trọng Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khối nhà 600 giường bệnh của cơ sở.

Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú và nội trú của khối nhà 600 giường bệnh của cơ sở

Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động nhà ăn, căn tin.

Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động nhà giặt.

Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh thiết bị và kho lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm.

Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khối nhà 200 giường bệnh của cơ sở.

Nguồn số 07: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú và nội trú trong khối nhà 200 giường bệnh của cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước chung của khu vực trên đường số 11 (thuộc khu phố Suối Tre, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai), sau đó chảy ra suối Cạn → sông Nhạn → nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Buông.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: hố ga đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường số 11, khu phố Suối Tre, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1210052; Y= 0441337 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 750 m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau 02 hệ thống xử lý nước thải được chảy về chung 01 hố ga nước thải sau xử lý trong khuôn viên bệnh viện sau đó tự chảy ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường số 11.

- Hình thức xả: xả mặt, tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Nước thải sau xử lý phải đảm bảo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (Cột A, với K= 1,0 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031; kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031	từ ngày 01 tháng 01 năm 2032		
1	pH	–	6,5 - 8,5	6 – 9	03 tháng/lần	Không quy định bắt buộc thực hiện
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	≤ 40		
3	COD	mg/l	50	≤ 65		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	≤ 40		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	≤ 0,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	≤ 5		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30	-		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6	-		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	≤ 5		
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000	≤ 3.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH	-		
12	Shigella	Vi khuẩn/	KPH	-		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031	từ ngày 01 tháng 01 năm 2032		
		100 ml				
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100 ml	KPH	-		
14	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1	-		
15	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1	-		
16	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	-	≤ 20		
17	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	-	≤ 4		
18	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	-	≤ 3		

Ghi chú: Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh đã được Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Bình Lộc xác nhận đầu nối thoát nước mưa, nước thải sau xử lý của Bệnh viện vào tuyến cống thoát nước chung của khu vực theo Văn bản số 1116/KTHT&ĐT-TNN ngày 08 tháng 12 năm 2025.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Hệ thống thu gom nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các nhà vệ sinh của khối nhà 600 giường bệnh (nguồn số 01) được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày.đêm.

Nước thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh nội trú và ngoại trú khối nhà 600 giường bệnh (nguồn số 02) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày.đêm.

Nước thải phát sinh tại hoạt động của nhà ăn, căn tin (nguồn số 03) được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ. Nước thải sau bể tách dầu mỡ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày.đêm.

Nước thải phát sinh từ hoạt động của phòng giặt (nguồn số 04) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày.đêm.

Nước thải phát sinh của hoạt động vệ sinh thiết bị, kho lưu giữ chất thải rắn y tế (nguồn số 05) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày.đêm.

Nước thải sinh hoạt phát sinh của các nhà vệ sinh của khối nhà 200 giường (nguồn số 06) được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm.

Nước thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh nội trú và ngoại trú của khối nhà 200 giường (nguồn số 07) được thu về hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh → bể tự hoại 03 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Số lượng: 34 bể tự hoại.

- Hóa chất sử dụng: không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày.đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải đầu vào (nước thải sinh hoạt phát sinh từ khối nhà 200 giường bệnh xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải từ hoạt động khám, chữa bệnh ngoại trú và nội trú của khối nhà 200 giường bệnh) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí 01 → Bể sinh học hiếu khí 02 → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hồ ga nước thải sau xử lý của bệnh viện → Nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất sử dụng: NaHCO₃, CH₃OH, Chlorine, PAC, NaOH (hoặc các hóa chất tương đương bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 500 m³/ngày.đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải đầu vào (nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh ngoại trú và nội trú của khối nhà 600 giường bệnh; nước thải từ nhà ăn, căn tin sau khi

qua bể tách dầu mỡ, nước thải phát sinh từ phòng giặt, nước thải phát sinh từ vệ sinh thiết bị và kho lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Hộp chia lưu lượng → Hệ thống tank xử lý (gồm: khoang đệm vi sinh → khoang lắng → khoang lọc → khoang khử trùng) → Hồ ga nước thải sau xử lý của bệnh viện → Nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất: Chlorine (hoặc các hóa chất tương đương bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, đường ống thoát nước thải, hạn chế sự cố rò rỉ hoặc chảy tràn nước thải; dự phòng thiết bị thay thế; định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ các chất lắng đọng, cam kết không xả nước thải chưa xử lý đạt yêu cầu ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất, không sử dụng các hóa chất trong danh mục cấm.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A của Phụ lục này, ngừng hoạt động xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.3. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; điểm xả nước thải sau xử lý phải thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải; kiểm

soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý và lượng nước sạch sử dụng; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.4. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

3.5. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các bể chức năng trong quy trình xử lý đủ khả năng lưu chứa, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.6. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý, các bể xử lý nước thải; trường hợp gặp sự cố Chủ cơ sở báo ngay cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.7. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

3.8. Theo dõi, kiểm soát lưu lượng nước thải phát sinh không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành ổn định, đúng quy trình kỹ thuật, xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

3.9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.10. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn phát sinh: khí thải, mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Địa chỉ: Nằm trong khuôn viên của Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh tại số 911, đường 21/4, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai.

- Tọa độ: Vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰): X= 1209876; Y= 0441494.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải: Lưu lượng xả khí thải tối đa: 1.000 m³/giờ (tương ứng lưu lượng xả khí thải tối đa theo ngày là 24.000 m³/ngày.đêm).

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày.đêm) khi hệ thống xử lý mùi hoạt động, thoát ra môi trường không khí bằng đường ống PVC có chiều dài 20 m.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn tối đa của thông số xả thải ra nguồn tiếp nhận theo quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, hệ số K_p=1,0; K_v=0,8). Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 20:2009/BTNMT và QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, hệ số $K_p=1,0$; $K_v=0,8$, áp dụng đến hết ngày 31/12/2031)	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C, áp dụng kể từ ngày 01/01/2032)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	40	≤ 25	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ)	
2	Hydro sunphua	mg/Nm ³	6	Không quy định		
3	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	15	Không quy định		

Ghi chú:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Mùi phát sinh từ các bể hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống PVC D168, quạt hút dẫn khí qua tháp xử lý mùi (tháp hấp thụ chứa dung dịch NaOH).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải thực hiện

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Có kế hoạch nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý khí thải để đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng 07
năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh do hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 1.500 kVA.

Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động của công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm.

Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động của công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày.đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

+ Địa chỉ: Nằm trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Khánh tại số 911, đường 21/4, phường Bình Lộc, thành phố Đồng Nai.

+ Vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

Nguồn số 01: X=1210042; Y=0441230

Nguồn số 02: X=1209880; Y=0441496

Nguồn số 03: X=1209859; Y=0441232

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	—	Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	—	Khu vực đặc biệt

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Lắp đặt các tấm đệm cao su hoặc xốp cho các máy móc, thiết bị để giảm chấn động do thiết bị gây nên.

1.2. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn của các chi tiết định kỳ.

1.3 Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế, giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng 07
năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng lớn nhất (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
I	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			3.770	-
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	120	KS
2	Bùn thải có thành phần nguy hại của quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Rắn/bùn	2.000	KS
3	Hóa chất thải có các thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn/lỏng	60	KS
4	Bao bì mềm thải (bao nylon dính hóa chất, bao nylon đựng phim thải)	18 01 01	Rắn	12	KS
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Rắn	50	KS
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	65	KS
7	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	Rắn	50	KS
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm có vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	400	KS
9	Hóa chất, hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	Rắn/lỏng	300	KS
10	Dược phẩm thải bỏ thuộc các nhóm gây độc tế bào hoặc cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	Rắn/lỏng	10	NH

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng lớn nhất (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
11	Chất hàn răng almagam thải	13 01 04	Rắn	1	NH
12	Bình chứa áp suất chưa đảm bảo độ rỗng hoàn toàn	13 03 01	Rắn	200	NH
13	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (như nhiệt kế, huyết áp kế)	13 03 02	Rắn	6	NH
14	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	24	NH
15	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	30	NH
16	Dầu nhiên liệu thải	17 06 01	Lỏng	2	NH
17	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	19 02 05	Rắn	240	NH
18	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	200	NH
II	Chất thải nguy hại lây nhiễm			150.000	-
1	Chất thải y tế lây nhiễm	13 01 01	Rắn	150.000	-
Tổng cộng				153.770	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải là vật liệu giấy (không chứa các yếu tố lây nhiễm hoặc đặc tính nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại; không thải ra từ các phòng điều trị cách ly)	13 01 05	15.000
2	Chất thải là vật liệu nhựa (không chứa các yếu tố lây nhiễm hoặc đặc tính nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại; không thải ra từ các phòng điều trị cách ly)	13 01 05	
3	Chất thải là vật liệu kim loại (không chứa yếu tố lây nhiễm hoặc đặc tính nguy hại khác vượt	13 01 05	

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
	nguồn chất thải nguy hại; không thải ra từ các phòng điều trị cách ly)		
Tổng cộng			15.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	925
Tổng khối lượng		925

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị thu gom chất thải nguy hại tại mỗi khoa, phòng khám chữa bệnh tại cơ sở: bố trí thùng chứa màu đen, có nắp đậy, mỗi thùng đều dán nhãn tên, biểu tượng đặt tại các khoa, phòng khám chữa bệnh, không để lẫn vào các loại chất thải khác.

- Kho lưu chứa: 01 kho diện tích 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo: tường xây dựng bằng gạch, nền bê tông, mái lợp tôn có gắn cửa ra vào và có dán cảnh báo nguy hiểm, có khả năng chống thấm, có gờ chắn tại cửa kho tránh chảy tràn chất thải nguy hại ra khỏi khu vực lưu chứa. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại, được dán nhãn mã chất thải nguy hại, có trang bị thiết bị bình phòng cháy chữa cháy.

- Thiết bị lưu chứa tại kho: bố trí các thùng chứa có nắp đậy, được dán mã phân loại chất thải nguy hại theo đúng quy định đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm

- Kho/Khu vực lưu chứa trong nhà: Nền bê tông cốt thép; tường xây bằng gạch, mái lợp tôn; bên trong trang bị các hũ chứa chất thải chuyên dụng; thực hiện phân loại, dán mã chất thải lây nhiễm, lắp dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực lưu giữ.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Diện tích là 18 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: Diện tích là 18 m²

- Kho/Khu vực lưu chứa trong nhà: Nền bê tông cốt thép; tường xây bằng gạch, mái lớp tôn; bên trong trang bị các hũng chứa chất thải chuyên dụng; thực hiện phân loại, dán mã chất thải lây nhiễm, lắp dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực lưu giữ.

2.4. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Các thùng chứa có nắp đậy đặt tại các khu vực phát sinh

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: diện tích là 72 m²

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Nền bê tông cốt thép; tường xây bằng gạch, mái lớp tôn; bên trong trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng; thực hiện phân loại, dán mã chất thải lây nhiễm, lắp dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực lưu giữ.

- Chịu trách nhiệm quản lý, tuyên truyền người dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo đúng quy định về pháp luật bảo vệ môi trường và Quyết định số 86/2025/UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là UBND thành phố Đồng Nai) ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thiết kế, bố trí đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một điều của Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường theo định; Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn người dân thực hiện phân loại triệt để toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định.

4. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/T-BNNMT ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của bệnh viện bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

2. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của cơ sở; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

4. Khí thải phát sinh từ 01 máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện; không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.